



CÔNG TY CỔ PHẦN 2DE VIỆT NAM

📍 Nhà máy: KM 16 + 390 Đại lộ Thăng Long, Xã Quốc Oai, TP. Hà Nội

✉ Kinhdoanh1.2de@gmail.com

☎ SĐT/Zalo: 0867168286

🌐 Website: <https://2de.vn/>



BẢNG GIÁ THANG CÁP MẠ KẼM NHÚNG NÓNG

(Áp dụng từ ngày 01/01/2026)

1, Bảng giá thang cáp mạ kẽm nhúng nóng chưa bao gồm vận chuyển, chưa bao gồm VAT.

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)	
					THANG CÁP	
					ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM	
					1.5mm	2mm
I	THANG CÁP 50X50					
1	Thang cáp	50	50	Mét	133,800	173,500
2	Nắp thang cáp	50	50	Mét	49,600	64,200
3	Ngã ba T thang cáp	50	50	Cái	160,600	208,100
4	Nắp ngã ba T thang cáp	50	50	Cái	59,500	77,000
5	Chữ thập X thang cáp	50	50	Cái	200,700	260,200
6	Nắp chữ thập X thang cáp	50	50	Cái	74,300	96,300
7	Co ngang L thang cáp; Co lên thang cáp; Co xuống thang cáp.	50	50	Cái	147,200	190,800
8	Nắp co ngang L thang cáp; Nắp co lên thang cáp; Nắp co xuống thang cáp.	50	50	Cái	54,500	70,600
II	THANG CÁP 60X40					
1	Thang cáp	60	40	Mét	121,400	157,300
2	Nắp thang cáp	60	40	Mét	56,400	73,100
3	Ngã ba T thang cáp	60	40	Cái	145,700	188,800
4	Nắp ngã ba T thang cáp	60	40	Cái	67,700	87,700
5	Chữ thập X thang cáp	60	40	Cái	182,100	236,000
6	Nắp chữ thập X thang cáp	60	40	Cái	84,600	109,600
7	Co ngang L thang cáp; Co lên thang cáp; Co xuống thang cáp.	60	40	Cái	133,600	173,100
8	Nắp co ngang L thang cáp; Nắp co lên thang cáp; Nắp co xuống thang cáp.	60	40	Cái	62,100	80,400
III	THANG CÁP 75X50					
1	Thang cáp	75	50	Mét	137,800	178,500
2	Nắp thang cáp	75	50	Mét	66,700	86,500
3	Ngã ba T thang cáp	75	50	Cái	165,300	214,200
4	Nắp ngã ba T thang cáp	75	50	Cái	80,100	103,700
5	Chữ thập X thang cáp	75	50	Cái	206,600	267,800
6	Nắp chữ thập X thang cáp	75	50	Cái	100,100	129,700
7	Co ngang L thang cáp; Co lên thang cáp; Co xuống thang cáp.	75	50	Cái	151,500	196,400
8	Nắp co ngang L thang cáp; Nắp co lên thang cáp; Nắp co xuống thang cáp.	75	50	Cái	73,400	95,100
IV	THANG CÁP 100X50					
1	Thang cáp	100	50	Mét	141,700	183,600
2	Nắp thang cáp	100	50	Mét	83,900	108,700
3	Ngã ba T thang cáp	100	50	Cái	170,000	220,300
4	Nắp ngã ba T thang cáp	100	50	Cái	100,700	130,400

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)	
	THANG CẤP				1.5mm	2mm
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM					
5	Chữ thập X thang cáp	100	50	Cái	212,500	275,400
6	Nắp chữ thập X thang cáp	100	50	Cái	125,900	163,000
7	Co ngang L thang cáp; Co lên thang cáp; Co xuống thang cáp.	100	50	Cái	155,800	202,000
8	Nắp co ngang L thang cáp; Nắp co lên thang cáp; Nắp co xuống thang cáp.	100	50	Cái	92,300	119,600
V	THANG CẤP 100X75					
1	Thangcáp	100	75	Mét	176,700	228,900
2	Nắp thang cáp	100	75	Mét	83,900	108,700
3	Ngã ba T thang cáp	100	75	Cái	212,000	274,700
4	Nắp ngã ba T thang cáp	100	75	Cái	100,700	130,400
5	Chữ thập X thang cáp	100	75	Cái	265,000	343,400
6	Nắp chữ thập X thang cáp	100	75	Cái	125,900	163,000
7	Co ngang L thang cáp; Co lên thang cáp; Co xuống thang cáp.	100	75	Cái	194,300	251,800
8	Nắp co ngang L thang cáp; Nắp co lên thang cáp; Nắp co xuống thang cáp.	100	75	Cái	92,300	119,600
VI	THANG CẤP 100X100					
1	Thangcáp	100	100	Mét	211,700	274,300
2	Nắp thang cáp	100	100	Mét	83,900	108,700
3	Ngã ba T thang cáp	100	100	Cái	254,000	329,100
4	Nắp ngã ba T thang cáp	100	100	Cái	100,700	130,400
5	Chữ thập X thang cáp	100	100	Cái	317,500	411,400
6	Nắp chữ thập X thang cáp	100	100	Cái	125,900	163,000
7	Co ngang L thang cáp; Co lên thang cáp; Co xuống thang cáp.	100	100	Cái	232,800	301,700
8	Nắp co ngang L thang cáp; Nắp co lên thang cáp; Nắp co xuống thang cáp.	100	100	Cái	92,300	119,600
VII	THANG CẤP 150X50					
1	Thangcáp	150	50	Mét	149,500	193,700
2	Nắp thang cáp	150	50	Mét	118,300	153,200
3	Ngã ba T thang cáp	150	50	Cái	179,400	232,500
4	Nắp ngã ba T thang cáp	150	50	Cái	141,900	183,900
5	Chữ thập X thang cáp	150	50	Cái	224,200	290,600
6	Nắp chữ thập X thang cáp	150	50	Cái	177,400	229,800
7	Co ngang L thang cáp; Co lên thang cáp; Co xuống thang cáp.	150	50	Cái	164,400	213,100
8	Nắp co ngang L thang cáp; Nắp co lên thang cáp; Nắp co xuống thang cáp.	150	50	Cái	130,100	168,500
VIII	THANG CẤP 150X75					
1	Thangcáp	150	75	Mét	184,500	239,100
2	Nắp thang cáp	150	75	Mét	118,300	153,200
3	Ngã ba T thang cáp	150	75	Cái	221,400	286,900
4	Nắp ngã ba T thang cáp	150	75	Cái	141,900	183,900
5	Chữ thập X thang cáp	150	75	Cái	276,700	358,600
6	Nắp chữ thập X thang cáp	150	75	Cái	177,400	229,800

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)	
	THANG CẤP					
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.5mm	2mm
7	Co ngang L thang cấp; Co lên thang cấp; Co xuống thang cấp.	150	75	Cái	202,900	263,000
8	Nắp co ngang L thang cấp; Nắp co lên thang cấp; Nắp co xuống thang cấp.	150	75	Cái	130,100	168,500
IX	THANG CẤP 150X100					
1	Thang cấp	150	100	Mét	219,500	284,400
2	Nắp thang cấp	150	100	Mét	118,300	153,200
3	Ngã ba T thang cấp	150	100	Cái	263,400	341,300
4	Nắp ngã ba T thang cấp	150	100	Cái	141,900	183,900
5	Chữ thập X thang cấp	150	100	Cái	329,200	426,600
6	Nắp chữ thập X thang cấp	150	100	Cái	177,400	229,800
7	Co ngang L thang cấp; Co lên thang cấp; Co xuống thang cấp.	150	100	Cái	241,400	312,900
8	Nắp co ngang L thang cấp; Nắp co lên thang cấp; Nắp co xuống thang cấp.	150	100	Cái	130,100	168,500
X	THANG CẤP 200X50					
1	Thang cấp	200	50	Mét	157,300	203,900
2	Nắp thang cấp	200	50	Mét	152,600	197,700
3	Ngã ba T thang cấp	200	50	Cái	188,800	244,700
4	Nắp ngã ba T thang cấp	200	50	Cái	183,100	237,300
5	Chữ thập X thang cấp	200	50	Cái	236,000	305,800
6	Nắp chữ thập X thang cấp	200	50	Cái	228,900	296,600
7	Co ngang L thang cấp; Co lên thang cấp; Co xuống thang cấp.	200	50	Cái	173,100	224,300
8	Nắp co ngang L thang cấp; Nắp co lên thang cấp; Nắp co xuống thang cấp.	200	50	Cái	167,900	217,500
XI	THANG CẤP 200X75					
1	Thang cấp	200	75	Mét	192,300	249,200
2	Nắp thang cấp	200	75	Mét	152,600	197,700
3	Ngã ba T thang cấp	200	75	Cái	230,800	299,100
4	Nắp ngã ba T thang cấp	200	75	Cái	183,100	237,300
5	Chữ thập X thang cấp	200	75	Cái	288,400	373,800
6	Nắp chữ thập X thang cấp	200	75	Cái	228,900	296,600
7	Co ngang L thang cấp; Co lên thang cấp; Co xuống thang cấp.	200	75	Cái	211,500	274,200
8	Nắp co ngang L thang cấp; Nắp co lên thang cấp; Nắp co xuống thang cấp.	200	75	Cái	167,900	217,500
XII	THANG CẤP 200X100					
1	Thang cấp	200	100	Mét	227,300	294,600
2	Nắp thang cấp	200	100	Mét	152,600	197,700
3	Ngã ba T thang cấp	200	100	Cái	272,800	353,500
4	Nắp ngã ba T thang cấp	200	100	Cái	183,100	237,300
5	Chữ thập X thang cấp	200	100	Cái	340,900	441,900
6	Nắp chữ thập X thang cấp	200	100	Cái	228,900	296,600
7	Co ngang L thang cấp; Co lên thang cấp; Co xuống thang cấp.	200	100	Cái	250,000	324,000

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)	
	THANG CẤP					
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.5mm	2mm
8	Nắp co ngang L thang cấp; Nắp co lên thang cấp; Nắp co xuống thang cấp.	200	100	Cái	167,900	217,500
XIII	THANG CẤP 250X50					
1	Thang cấp	250	50	Mét	165,100	214,000
2	Nắp thang cấp	250	50	Mét	187,000	242,200
3	Ngã ba T thang cấp	250	50	Cái	198,200	256,800
4	Nắp ngã ba T thang cấp	250	50	Cái	224,300	290,700
5	Chữ thập X thang cấp	250	50	Cái	247,700	321,000
6	Nắp chữ thập X thang cấp	250	50	Cái	280,400	363,300
7	Co ngang L thang cấp; Co lên thang cấp; Co xuống thang cấp.	250	50	Cái	181,700	235,400
8	Nắp co ngang L thang cấp; Nắp co lên thang cấp; Nắp co xuống thang cấp.	250	50	Cái	205,600	266,500
XIV	THANG CẤP 250X75					
1	Thang cấp	250	75	Mét	200,100	259,400
2	Nắp thang cấp	250	75	Mét	187,000	242,200
3	Ngã ba T thang cấp	250	75	Cái	240,200	311,300
4	Nắp ngã ba T thang cấp	250	75	Cái	224,300	290,700
5	Chữ thập X thang cấp	250	75	Cái	300,200	389,100
6	Nắp chữ thập X thang cấp	250	75	Cái	280,400	363,300
7	Co ngang L thang cấp; Co lên thang cấp; Co xuống thang cấp.	250	75	Cái	220,200	285,300
8	Nắp co ngang L thang cấp; Nắp co lên thang cấp; Nắp co xuống thang cấp.	250	75	Cái	205,600	266,500
XV	THANG CẤP 250X100					
1	Thang cấp	250	100	Mét	235,100	304,700
2	Nắp thang cấp	250	100	Mét	187,000	242,200
3	Ngã ba T thang cấp	250	100	Cái	282,200	365,700
4	Nắp ngã ba T thang cấp	250	100	Cái	224,300	290,700
5	Chữ thập X thang cấp	250	100	Cái	352,700	457,100
6	Nắp chữ thập X thang cấp	250	100	Cái	280,400	363,300
7	Co ngang L thang cấp; Co lên thang cấp; Co xuống thang cấp.	250	100	Cái	258,600	335,200
8	Nắp co ngang L thang cấp; Nắp co lên thang cấp; Nắp co xuống thang cấp.	250	100	Cái	205,600	266,500
XVI	THANG CẤP 300X50					
1	Thang cấp	300	50	Mét	173,000	224,200
2	Nắp thang cấp	300	50	Mét	221,300	286,700
3	Ngã ba T thang cấp	300	50	Cái	207,600	269,000
4	Nắp ngã ba T thang cấp	300	50	Cái	265,500	344,100
5	Chữ thập X thang cấp	300	50	Cái	259,400	336,200
6	Nắp chữ thập X thang cấp	300	50	Cái	331,900	430,100
7	Co ngang L thang cấp; Co lên thang cấp; Co xuống thang cấp.	300	50	Cái	190,300	246,600
8	Nắp co ngang L thang cấp; Nắp co lên thang cấp; Nắp co xuống thang cấp.	300	50	Cái	243,400	315,400
XVII	THANG CẤP 300X75					

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)	
	THANG CẤP				1.5mm	2mm
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM					
1	Thangcáp	300	75	Mét	208,000	269,500
2	Nắp thang cáp	300	75	Mét	221,300	286,700
3	Ngã ba T thang cáp	300	75	Cái	249,600	323,400
4	Nắp ngã ba T thang cáp	300	75	Cái	265,500	344,100
5	Chữ thập X thang cáp	300	75	Cái	311,900	404,300
6	Nắp chữ thập X thang cáp	300	75	Cái	331,900	430,100
7	Co ngang L thang cáp; Co lên thang cáp; Co xuống thang cáp.	300	75	Cái	228,800	296,500
8	Nắp co ngang L thang cáp; Nắp co lên thang cáp; Nắp co xuống thang cáp.	300	75	Cái	243,400	315,400
XVIII	THANG CẤP 300X100					
1	Thangcáp	300	100	Mét	243,000	314,900
2	Nắp thang cáp	300	100	Mét	221,300	286,700
3	Ngã ba T thang cáp	300	100	Cái	291,500	377,800
4	Nắp ngã ba T thang cáp	300	100	Cái	265,500	344,100
5	Chữ thập X thang cáp	300	100	Cái	364,400	472,300
6	Nắp chữ thập X thang cáp	300	100	Cái	331,900	430,100
7	Co ngang L thang cáp; Co lên thang cáp; Co xuống thang cáp.	300	100	Cái	267,300	346,400
8	Nắp co ngang L thang cáp; Nắp co lên thang cáp; Nắp co xuống thang cáp.	300	100	Cái	243,400	315,400
XIX	THANG CẤP 350X50					
1	Thangcáp	350	50	Mét	180,800	234,300
2	Nắp thang cáp	350	50	Mét	255,600	331,200
3	Ngã ba T thang cáp	350	50	Cái	217,000	281,200
4	Nắp ngã ba T thang cáp	350	50	Cái	306,800	397,500
5	Chữ thập X thang cáp	350	50	Cái	271,200	351,500
6	Nắp chữ thập X thang cáp	350	50	Cái	383,400	496,800
7	Co ngang L thang cáp; Co lên thang cáp; Co xuống thang cáp.	350	50	Cái	198,900	257,800
8	Nắp co ngang L thang cáp; Nắp co lên thang cáp; Nắp co xuống thang cáp.	350	50	Cái	281,200	364,400
XX	THANG CẤP 350X75					
1	Thangcáp	350	75	Mét	215,800	279,700
2	Nắp thang cáp	350	75	Mét	255,600	331,200
3	Ngã ba T thang cáp	350	75	Cái	258,900	335,600
4	Nắp ngã ba T thang cáp	350	75	Cái	306,800	397,500
5	Chữ thập X thang cáp	350	75	Cái	323,700	419,500
6	Nắp chữ thập X thang cáp	350	75	Cái	383,400	496,800
7	Co ngang L thang cáp; Co lên thang cáp; Co xuống thang cáp.	350	75	Cái	237,400	307,600
8	Nắp co ngang L thang cáp; Nắp co lên thang cáp; Nắp co xuống thang cáp.	350	75	Cái	281,200	364,400
XXI	THANG CẤP 350X100					
1	Thangcáp	350	100	Mét	250,800	325,000
2	Nắp thang cáp	350	100	Mét	255,600	331,200
3	Ngã ba T thang cáp	350	100	Cái	300,900	390,000
4	Nắp ngã ba T thang cáp	350	100	Cái	306,800	397,500

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)	
	THANG CẤP					
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.5mm	2mm
5	Chữ thập X thang cáp	350	100	Cái	376,200	487,500
6	Nắp chữ thập X thang cáp	350	100	Cái	383,400	496,800
7	Co ngang L thang cáp; Co lên thang cáp; Co xuống thang cáp.	350	100	Cái	275,900	357,500
8	Nắp co ngang L thang cáp; Nắp co lên thang cáp; Nắp co xuống thang cáp.	350	100	Cái	281,200	364,400
XXII	THANG CẤP 400X50					
1	Thang cáp	400	50	Mét	188,600	244,500
2	Nắp thang cáp	400	50	Mét	290,000	375,800
3	Ngã ba T thang cáp	400	50	Cái	226,300	293,400
4	Nắp ngã ba T thang cáp	400	50	Cái	348,000	450,900
5	Chữ thập X thang cáp	400	50	Cái	282,900	366,700
6	Nắp chữ thập X thang cáp	400	50	Cái	434,900	563,600
7	Co ngang L thang cáp; Co lên thang cáp; Co xuống thang cáp.	400	50	Cái	207,500	268,900
8	Nắp co ngang L thang cáp; Nắp co lên thang cáp; Nắp co xuống thang cáp.	400	50	Cái	319,000	413,300
XXIII	THANG CẤP 400X100					
1	Thang cáp	400	100	Mét	258,600	335,200
2	Nắp thang cáp	400	100	Mét	290,000	375,800
3	Ngã ba T thang cáp	400	100	Cái	310,300	402,200
4	Nắp ngã ba T thang cáp	400	100	Cái	348,000	450,900
5	Chữ thập X thang cáp	400	100	Cái	387,900	502,700
6	Nắp chữ thập X thang cáp	400	100	Cái	434,900	563,600
7	Co ngang L thang cáp; Co lên thang cáp; Co xuống thang cáp.	400	100	Cái	284,500	368,700
8	Nắp co ngang L thang cáp; Nắp co lên thang cáp; Nắp co xuống thang cáp.	400	100	Cái	319,000	413,300
XXIV	THANG CẤP 400X150					
1	Thang cáp	400	150	Mét	328,600	425,900
2	Nắp thang cáp	400	150	Mét	290,000	375,800
3	Ngã ba T thang cáp	400	150	Cái	394,300	511,000
4	Nắp ngã ba T thang cáp	400	150	Cái	348,000	450,900
5	Chữ thập X thang cáp	400	150	Cái	492,900	638,800
6	Nắp chữ thập X thang cáp	400	150	Cái	434,900	563,600
7	Co ngang L thang cáp; Co lên thang cáp; Co xuống thang cáp.	400	150	Cái	361,400	468,500
8	Nắp co ngang L thang cáp; Nắp co lên thang cáp; Nắp co xuống thang cáp.	400	150	Cái	319,000	413,300
XXV	THANG CẤP 500X50					
1	Thang cáp	500	50	Mét	204,300	264,800
2	Nắp thang cáp	500	50	Mét	358,700	464,800
3	Ngã ba T thang cáp	500	50	Cái	245,100	317,700
4	Nắp ngã ba T thang cáp	500	50	Cái	430,400	557,700
5	Chữ thập X thang cáp	500	50	Cái	306,400	397,100
6	Nắp chữ thập X thang cáp	500	50	Cái	538,000	697,100

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)	
	THANG CẤP					
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.5mm	2mm
7	Co ngang L thang cấp; Co lên thang cấp; Co xuống thang cấp.	500	50	Cái	224,700	291,200
8	Nắp co ngang L thang cấp; Nắp co lên thang cấp; Nắp co xuống thang cấp.	500	50	Cái	394,500	511,200
XXVI	THANG CẤP 500X100					
1	Thang cấp	500	100	Mét	274,300	355,500
2	Nắp thang cấp	500	100	Mét	358,700	464,800
3	Ngã ba T thang cấp	500	100	Cái	329,100	426,500
4	Nắp ngã ba T thang cấp	500	100	Cái	430,400	557,700
5	Chữ thập X thang cấp	500	100	Cái	411,400	533,200
6	Nắp chữ thập X thang cấp	500	100	Cái	538,000	697,100
7	Co ngang L thang cấp; Co lên thang cấp; Co xuống thang cấp.	500	100	Cái	301,700	391,000
8	Nắp co ngang L thang cấp; Nắp co lên thang cấp; Nắp co xuống thang cấp.	500	100	Cái	394,500	511,200
XXVII	THANG CẤP 500X150					
1	Thang cấp	500	150	Mét	344,200	446,200
2	Nắp thang cấp	500	150	Mét	358,700	464,800
3	Ngã ba T thang cấp	500	150	Cái	413,100	535,400
4	Nắp ngã ba T thang cấp	500	150	Cái	430,400	557,700
5	Chữ thập X thang cấp	500	150	Cái	516,300	669,200
6	Nắp chữ thập X thang cấp	500	150	Cái	538,000	697,100
7	Co ngang L thang cấp; Co lên thang cấp; Co xuống thang cấp.	500	150	Cái	378,700	490,800
8	Nắp co ngang L thang cấp; Nắp co lên thang cấp; Nắp co xuống thang cấp.	500	150	Cái	394,500	511,200
XXVIII	THANG CẤP 600X100					
1	Thang cấp	600	100	Mét	289,900	375,800
2	Nắp thang cấp	600	100	Mét	427,400	553,800
3	Ngã ba T thang cấp	600	100	Cái	434,800	563,600
4	Nắp ngã ba T thang cấp	600	100	Cái	641,000	830,600
5	Chữ thập X thang cấp	600	100	Cái	521,800	676,300
6	Nắp chữ thập X thang cấp	600	100	Cái	641,000	830,600
7	Co ngang L thang cấp; Co lên thang cấp; Co xuống thang cấp.	600	100	Cái	405,900	526,000
8	Nắp co ngang L thang cấp; Nắp co lên thang cấp; Nắp co xuống thang cấp.	600	100	Cái	470,100	609,200
XXIX	THANG CẤP 600X150					
1	Thang cấp	600	150	Mét	359,900	466,500
2	Nắp thang cấp	600	150	Mét	427,400	553,800
3	Ngã ba T thang cấp	600	150	Cái	539,800	699,700
4	Nắp ngã ba T thang cấp	600	150	Cái	641,000	830,600
5	Chữ thập X thang cấp	600	150	Cái	647,800	839,600
6	Nắp chữ thập X thang cấp	600	150	Cái	641,000	830,600
7	Co ngang L thang cấp; Co lên thang cấp; Co xuống thang cấp.	600	150	Cái	503,800	653,000

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)	
	THANG CẤP					
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.5mm	2mm
8	Nắp co ngang L thang cấp; Nắp co lên thang cấp; Nắp co xuống thang cấp.	600	150	Cái	470,100	609,200
XXX	THANG CẤP 600X200					
1	Thang cấp	600	200	Mét	429,900	557,200
2	Nắp thang cấp	600	200	Mét	427,400	553,800
3	Ngã ba T thang cấp	600	200	Cái	644,800	835,700
4	Nắp ngã ba T thang cấp	600	200	Cái	641,000	830,600
5	Chữ thập X thang cấp	600	200	Cái	773,700	1,002,800
6	Nắp chữ thập X thang cấp	600	200	Cái	641,000	830,600
7	Co ngang L thang cấp; Co lên thang cấp; Co xuống thang cấp.	600	200	Cái	601,800	780,000
8	Nắp co ngang L thang cấp; Nắp co lên thang cấp; Nắp co xuống thang cấp.	600	200	Cái	470,100	609,200
XXXI	THANG CẤP 800X100					
1	Thang cấp	800	100	Mét	321,200	416,300
2	Nắp thang cấp	800	100	Mét	564,700	731,800
3	Ngã ba T thang cấp	800	100	Cái	481,800	624,500
4	Nắp ngã ba T thang cấp	800	100	Cái	847,100	1,097,700
5	Chữ thập X thang cấp	800	100	Cái	578,100	749,400
6	Nắp chữ thập X thang cấp	800	100	Cái	847,100	1,097,700
7	Co ngang L thang cấp; Co lên thang cấp; Co xuống thang cấp.	800	100	Cái	449,700	582,900
8	Nắp co ngang L thang cấp; Nắp co lên thang cấp; Nắp co xuống thang cấp.	800	100	Cái	621,200	805,000
XXXII	THANG CẤP 800X150					
1	Thang cấp	800	150	Mét	391,200	507,000
2	Nắp thang cấp	800	150	Mét	564,700	731,800
3	Ngã ba T thang cấp	800	150	Cái	586,800	760,500
4	Nắp ngã ba T thang cấp	800	150	Cái	847,100	1,097,700
5	Chữ thập X thang cấp	800	150	Cái	704,100	912,600
6	Nắp chữ thập X thang cấp	800	150	Cái	847,100	1,097,700
7	Co ngang L thang cấp; Co lên thang cấp; Co xuống thang cấp.	800	150	Cái	547,700	709,800
8	Nắp co ngang L thang cấp; Nắp co lên thang cấp; Nắp co xuống thang cấp.	800	150	Cái	621,200	805,000
XXXIII	THANG CẤP 800X200					
1	Thang cấp	800	200	Mét	461,200	597,700
2	Nắp thang cấp	800	200	Mét	564,700	731,800
3	Ngã ba T thang cấp	800	200	Cái	691,800	896,600
4	Nắp ngã ba T thang cấp	800	200	Cái	847,100	1,097,700
5	Chữ thập X thang cấp	800	200	Cái	830,100	1,075,900
6	Nắp chữ thập X thang cấp	800	200	Cái	847,100	1,097,700
7	Co ngang L thang cấp; Co lên thang cấp; Co xuống thang cấp.	800	200	Cái	645,600	836,800
8	Nắp co ngang L thang cấp; Nắp co lên thang cấp; Nắp co xuống thang cấp.	800	200	Cái	621,200	805,000
XXXIV	THANG CẤP 1000X100					

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày tôn)	
	THANG CÁP					
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.5mm	2mm
1	Thang cáp	1000	100	Mét	352,500	456,900
2	Nắp thang cáp	1000	100	Mét	702,100	909,800
3	Ngã ba T thang cáp	1000	100	Cái	528,800	685,400
4	Nắp ngã ba T thang cáp	1000	100	Cái	1,053,100	1,364,700
5	Chữ thập X thang cáp	1000	100	Cái	634,500	822,400
6	Nắp chữ thập X thang cáp	1000	100	Cái	1,053,100	1,364,700
7	Co ngang L thang cáp; Co lên thang cáp; Co xuống thang cáp.	1000	100	Cái	493,500	639,700
8	Nắp co ngang L thang cáp; Nắp co lên thang cáp; Nắp co xuống thang cáp.	1000	100	Cái	772,300	1,000,800
XXXV	THANG CÁP 1000X150					
1	Thang cáp	1000	150	Mét	422,500	547,600
2	Nắp thang cáp	1000	150	Mét	702,100	909,800
3	Ngã ba T thang cáp	1000	150	Cái	633,700	821,400
4	Nắp ngã ba T thang cáp	1000	150	Cái	1,053,100	1,364,700
5	Chữ thập X thang cáp	1000	150	Cái	760,500	985,700
6	Nắp chữ thập X thang cáp	1000	150	Cái	1,053,100	1,364,700
7	Co ngang L thang cáp; Co lên thang cáp; Co xuống thang cáp.	1000	150	Cái	591,500	766,700
8	Nắp co ngang L thang cáp; Nắp co lên thang cáp; Nắp co xuống thang cáp.	1000	150	Cái	772,300	1,000,800
XXXVI	THANG CÁP 1000X200					
1	Thang cáp	1000	200	Mét	492,500	638,300
2	Nắp thang cáp	1000	200	Mét	702,100	909,800
3	Ngã ba T thang cáp	1000	200	Cái	738,700	957,500
4	Nắp ngã ba T thang cáp	1000	200	Cái	1,053,100	1,364,700
5	Chữ thập X thang cáp	1000	200	Cái	886,400	1,148,900
6	Nắp chữ thập X thang cáp	1000	200	Cái	1,053,100	1,364,700
7	Co ngang L thang cáp; Co lên thang cáp; Co xuống thang cáp.	1000	200	Cái	689,500	893,600
8	Nắp co ngang L thang cáp; Nắp co lên thang cáp; Nắp co xuống thang cáp.	1000	200	Cái	772,300	1,000,800

- 2, Thời gian giao hàng: - 12-15 ngày kể từ ngày xác nhận đặt hàng và tạm ứng
- 3, Địa điểm giao hàng: - Tại Hà Nội
- 4, Hình thức thanh toán: - Tiền mặt hoặc chuyển khoản
+ Chủ TK: Công ty cổ phần 2DE Việt Nam
+ STK: 03366013633888 tại ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi Nhánh Cầu Giấy - Hà Nội
- 5, Điều khoản thanh toán: - Tạm ứng 50%, 50% còn lại thanh toán trước khi giao hàng
- 6, Thời gian bảo hành: - 12 tháng từ ngày bàn giao. Sản phẩm được bảo hành do lỗi nhà sản xuất
- Rất hân hạnh được hợp tác với Quý Khách Hàng!